

# GIẢI MÃ CỘI NGUỒN BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT QUA TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TRONG TIỂU THUYẾT MẪU THƯỢNG NGÀN CỦA NGUYỄN XUÂN KHÁNH

NGUYỄN VĂN HÙNG\*

“Tháng tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ”

## 1. Nguyên lí Mẹ và tín ngưỡng thờ Mẫu trong văn hóa Việt

Tín ngưỡng thờ Mẫu là hình thức tín ngưỡng dân gian khá tiêu biểu, mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, một hiện tượng văn hóa tín ngưỡng tâm linh độc đáo trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đa thần của người Việt. Việc tôn thờ Nữ thần, thờ Mẫu thần với những thuộc tính thiêng liêng như sinh sôi, bảo trợ, sáng tạo là một hiện tượng có từ lâu đời và khá phổ biến, tạo nên “nguyên lý Mẹ ăn sâu trong tâm trí và biểu hiện thành các chuẩn mực ứng xử” trong văn hóa Việt<sup>1</sup>. Trong công trình *Các nữ thần Việt Nam*, hai tác giả Đỗ Thị Hảo và Mai Thị Ngọc Chúc đã thống kê và giới thiệu sơ lược về huyền thoại và thần tích của hơn 75 nữ thần với 75 truyện kể về nữ thần<sup>2</sup>. Gần đây, trong công trình *Nữ thần và Thánh Mẫu Việt Nam*, các tác giả đã sưu tầm và thống kê được 116 truyện kể về Nữ thần và Thánh Mẫu, với số lượng được ghi trong thần tích là 362 Nữ thần<sup>3</sup>. Người xưa cũng đã từng tập hợp các vị Tiên có nguồn gốc thuần Việt, trong tổng số 27 vị thì đã có 14 vị là *Tiên nữ*. Trên cơ sở tập sách *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam* của Viện Hán Nôm, GS. Ngô Đức Thịnh, một trong những nhà nghiên cứu có uy tín về Đạo Mẫu, đã thống kê và kết luận trong 1000 di tích văn hóa đã có tới 250 di tích thờ cúng

các vị thần hay danh nhân là *Nữ*<sup>4</sup>. Tâm thức người Việt từ bao đời nay, người mẹ có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng: “Con đại cái mang”, “Cha sinh không tày mẹ dưỡng”, “Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ liếm lá đầu đường”, “Phúc đức tại Mẫu” trong cuộc sống, tất cả những gì là quan trọng nhất, quyết định nhất đều liên quan đến “Mẹ”: Sông Cá, đũa cái, con dao, đường cái quan... Điều đó đã phần nào cho thấy lòng kính ngưỡng thiêng liêng, sâu sắc dành cho người Mẹ. Người Việt thờ Mẫu trước hết là thờ người mang nặng đẻ đau, ôm ấp chăm bẵm và đến hết đời vẫn còn lo lắng cho con cái của mình, rộng ra là thờ người Mẹ của xứ sở (Mẹ Trời, Mẹ Đất, Mẹ Nước) che chở, bảo trợ cho sự bình yên và hạnh phúc của con người.

Xung quanh tín ngưỡng thờ Mẫu này sinh và tích hợp nhiều giá trị văn hóa mang đậm sắc thái dân tộc độc đáo. Chúng ta có thể nói tới “hiện tượng văn học Đạo Mẫu” trong dòng văn học dân gian (Văn châu, thần tích, thần phả, các huyền thoại, truyền thuyết, các bài thơ giảng bút và ứng khẩu, các câu đối và văn bia), một hình thức diễn xướng Đạo Mẫu trong dòng diễn xướng cổ truyền (Múa bóng, hát văn), một mảng nghệ thuật tạo hình Đạo Mẫu trong bức tranh chung của tạo hình dân gian (kiến trúc đền, phủ, những pho tượng thờ, tranh thờ, những màu sắc, nét trang trí, loại trang phục, lễ vật dâng cúng), các hình thức sinh

\* Đại học Phú Xuân, Huế.

hoạt tín ngưỡng cộng đồng (Hội Phủ Dầy, Kiếp Bạc, Đồng Bằng, hội Hòn Chén, hội Tháp Bà Nha Trang, hội Bà chúa Xứ, hội Bà Đen...). Đó thực sự là quá trình tích hợp các giá trị văn hóa nghệ thuật trong một văn hóa tín ngưỡng, trở thành một dạng “văn hóa tín ngưỡng tôn giáo” đặc thù tồn tại trong lòng dân tộc Việt Nam<sup>5</sup>. “Xét từ góc độ văn hóa, Đạo Mẫu là một hiện tượng văn hóa dân gian tổng thể... Cùng với tín ngưỡng Mẫu, đã nảy sinh hệ thống các huyền thoại, truyền thuyết, thần tích, các tự, là nguồn cảm hứng sáng tác cho các nhà văn thơ hiện đại, tạo nên một hiện tượng “văn học Đạo Mẫu”<sup>6</sup>.

Văn học Việt Nam trong quá trình hình thành và phát triển đã biểu hiện nguyên lí tính Mẫu rất rõ nét. Mặc dù có thể có những biểu hiện đậm nhạt khác nhau, nhưng từ nghệ sĩ dân gian cho đến các nhà văn hiện đại đã tìm thấy trong văn hóa dân tộc nói chung và trong tín ngưỡng thờ Mẫu nói riêng một nguồn sống bất tận nuôi dưỡng sức sáng tạo trong các tác phẩm của mình. Vì vậy, trong ý thức và cả trong vô thức sáng tạo, văn hóa dân tộc trở thành “chất liệu” sống để nhà văn có thể khai phá, luận giải các vấn đề vận mệnh dân tộc, số phận của văn hóa cùng những bước đi của cộng đồng, khơi gợi cội nguồn sức mạnh nối kết quá khứ và hiện tại.

## **2. Luận giải cội nguồn bản sắc văn hóa Việt nhìn từ tín ngưỡng thờ Mẫu trong *Mẫu Thượng Ngàn***

Đường như chưa bao giờ, sự đòi hỏi khả năng nắm bắt cái hằng số lịch sử và văn hóa trên tinh thần nhân bản, triết học lịch sử lại trở nên ráo riết với người viết tiểu thuyết lịch sử như vậy. Tuy nhiên, khác với nhiều tác phẩm cùng thời, Nguyễn

Xuân Khánh đã tạo cho mình một neo đi riêng, làm nên một cuộc hành trình vô cùng thú vị, kiếm tìm và giải mã sức sống văn hóa Việt qua tín ngưỡng thờ Mẫu đậm đà bản sắc dân tộc. Về đẹp văn hóa của tín ngưỡng đậm màu bản địa này được nhà văn “giải phẫu”, soi rọi ở nhiều góc độ, trên một tinh thần hiện đại thấm đẫm chất nhân văn sâu sắc.

### **2.1. Tín ngưỡng thờ Mẫu và văn hóa làng xã trong *"Mẫu Thượng Ngàn"***

Khi nói về tác phẩm của mình, nhà văn Nguyễn Xuân Khánh đã từng tâm sự: “Tôi muốn viết một cuốn sách về văn hóa làng, một vấn đề thiết yếu của dân tộc... Và dù có những hạn chế gì đi chăng nữa, tôi vẫn muốn đặt lòng tin và khẳng định một cách mạnh mẽ vào văn hóa Việt Nam”<sup>7</sup>. Lấy bối cảnh không gian làng Cổ Đình cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đầy biến động, Nguyễn Xuân Khánh không có ý đồ tái hiện lại không khí của các sự kiện, biến cố lịch sử đã qua, mà mục đích của ông là nỗ lực tìm kiếm một yếu tố mang tính nền tảng bền vững, một hằng số có khả năng kiến tạo văn hóa Việt, có sức cố kết cộng đồng, mang sức mạnh vượt thoát qua bao cuộc chìm nổi, thăng trầm của lịch sử dân tộc từ xa xưa cho đến tận ngày hôm nay.

Có thể nói, văn hóa làng xã trở thành mạch nguồn cảm hứng nuôi dưỡng tâm hồn, tiếp thêm sức mạnh trong các sáng tạo của nghệ sĩ. Từ lối kiến trúc mang đậm dấu ấn làng xã Bắc bộ, đời sống tâm linh với tín ngưỡng đa thần, đến các lễ hội dân gian truyền thống đều được nhà văn phục dựng một cách chân thực và vô cùng sinh động trong *Mẫu Thượng Ngàn*.

Bên cạnh công làng, mái đình, *cây đa* đã trở thành biểu tượng cho sự trường tồn, sức

sống dẻo dai của cộng đồng làng quê truyền thống. Cây đa ngự trị trong không gian của làng Cổ Đình, vừa gần gũi, đời thường, vừa linh thiêng, bí ẩn. Bên cây đa trú danh, trở thành niềm kiêu hãnh, tự hào của bao người dân nơi đây, thờ vị *Thần Cây* mà họ hay gọi là “Đại thụ linh thần”. Bên cạnh tục thờ Thần Cây, người Cổ Đình còn thờ *Thần Cầu* (Thần Chó đá). Đây là tín ngưỡng dân gian đã xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử dân tộc, với ước nguyện đề trừ tà hoặc giữ của. Tín ngưỡng thờ đa thần phát xuất từ quan niệm “vạn vật hữu linh” của người Việt xưa. Về bản chất sâu xa, tục thờ cúng Thần Cây và Thần Cầu (Thần Chó đá) gắn liền với tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp mong mỏi về sự sinh sôi nảy nở trong tạo vật bởi sự um tùm của cây và sự bề bộn của đá<sup>8</sup>. Tục thờ này như một mạch nguồn không dứt chảy từ xa xưa cho đến tận cuộc sống ngày nay.

*Đình làng* cũng là một hình ảnh thân quen, gắn bó bao đời với tâm hồn của người dân Cổ Đình, là nơi chứng kiến những sinh hoạt, lễ hội trong đời sống văn hóa của làng. “Ngôi đình là niềm kiêu hãnh của dân Kẻ Đình, thậm chí là niềm kiêu hãnh cho cả một vùng đất chung quanh hồ Huyền...” [tr.677]. Ngôi đình trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, cố kết cộng đồng với lối kiến trúc độc đáo, vừa mang ý nghĩa thể tục vừa mang ý nghĩa tâm linh. Những sinh hoạt văn hóa cộng đồng của làng như thờ cúng, lễ hội đều được tổ chức ở sân đình. Vào mùa lễ hội “xuân thu nhị kì” của làng, ngôi đình đã trở thành sân khấu nghệ thuật quy tụ rất đông người dân trong và ngoài làng đến tham dự.

Không gian văn hóa làng xã trong nỗ lực phục hiện của Nguyễn Xuân Khánh còn được gắn với những câu chuyện huyền thoại dân gian và lễ hội dân gian rất độc đáo. Lúc này, “tâm điểm của truyện kể dân gian cũng như lễ hội dân gian được miêu tả trong truyện đối với người kể chuyện là *sức ám thị của tín ngưỡng phồn thực*, một loại hình tín ngưỡng của nhân loại có cội nguồn từ rất xa xưa và vẫn còn vết tích đây đó trong đời sống lễ tục hôm nay”<sup>9</sup>. Đó là câu chuyện về ông Đùng bà Đà, hai nhân vật huyền thoại đã từng xuất hiện trong nhiều dị bản truyện dân gian về sự sáng tạo vũ trụ của người tiền Việt - Mường. Tuy vậy, trong *Mẫu Thượng Ngàn*, câu chuyện về hai nhân vật này đã không còn giữ nguyên giá trị biểu trưng cho sự sáng chế thuần nhất mà đã được khoác lên màu sắc thể tục của hành vi giải thiêng huyền thoại. Người kể chuyện đã cố ý phá bỏ trật tự logic, sắp xếp lại câu chuyện, chỉ giữ lại chút dấu vết về ngoại hình khổng lồ của họ. Cái chết của nhân vật sau khi bị đuổi ra khỏi làng chính là sự giải thiêng hóa huyền thoại của người kể chuyện. Tuy nhiên, sự khắc khoải pha lẫn niềm hối hận của người dân cùng với những khát khao về việc ném trái tính giao thoa giữa âm và dương hồn nhiên mà hai nhân vật đã vẽ ra cho trai gái làng Cổ Đình khiến cho cái chết của hai nhân vật khổng lồ ấy chỉ còn mang ý nghĩa sự mất đi của thể xác, còn cuộc sống của họ vẫn như còn hiện hữu trong kí ức của người dân ở lễ hội. Số phận của hai nhân vật huyền thoại vừa đặt trong sự phán xét của hệ tư tưởng Nho giáo, đồng thời lại được đặt trong quyền uy của Mẫu. Trong việc lí giải “nguồn cơn” của những bất hạnh ấy, người dân Cổ Đình tin rằng chính sự “tách khỏi hòn núi Mẫu thiêng liêng” đã

làm nên tai họa cho hai con người đáng thương này [tr.656].

*Lễ hội* là đặc trưng quan trọng trong văn hóa làng xã, thể hiện sinh động nét sinh hoạt, tôn giáo, nghệ thuật, thể thao của cộng đồng. Xuất phát từ sự ước mong và cả nhu cầu tồn tại và phát triển của cuộc sống, từ sự bình yên cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng, sự bội thu cho mùa màng, sự sinh sôi, nảy nở của con người, cùng với ước vọng thoát khỏi những bất hạnh, kiếp nạn... mà tinh thần của hội làng được giữ gìn, phát huy và mở rộng. Lễ hội ông Đùng bà Đà ở một phương diện nào đó cũng mang những ý nghĩa, ước nguyện cao cả và linh thiêng ấy. Lễ hội mang tính cố kết cộng đồng sâu sắc, nó là đỉnh cao của sự hòa hợp, đoàn kết, tạo nên một niềm cộng mệnh (gắn bó vận mệnh cho một vị thần linh được thờ cúng, thể hiện trong phần lễ) và niềm cộng cảm (cùng nhau cảm nhận và hứng khởi hưởng thụ, sáng tạo các giá trị văn hóa, thể hiện trong phần hội). Ở đó, các thành viên trong cộng đồng làng Cổ Đình luôn ý thức được trách nhiệm và quyền lợi của mình. Họ không phân biệt giàu nghèo, tuổi tác, tôn giáo, địa vị xã hội, tất cả như bị cuốn vào trong niềm tin vô thức về sự linh thiêng, nhiệm màu của lễ hội [tr.680-684]. Tạo dựng kịch bản về sự gặp gỡ của hai anh em Đùng và Đà, sau đó lấp ghép những nghi thức mang tính phồn thực, Nguyễn Xuân Khánh đã tô đậm không khí, màu sắc lễ hội mang đậm tín ngưỡng phồn thực của người Việt cổ. Lễ hội được người kể chuyện trong *Mẫu Thượng Ngàn* hình dung với hai phần đạo và đời rất rõ rệt. Trong khi phần đạo tỏ ra kém thu hút người dân, thì phần đời sau hội lại hút sự quan tâm, thậm chí sự háo hức chờ đợi của mọi người. Từ các cụ già

sáu bảy mươi tuổi, các bà bạ dòng sồn sồn đến thanh niên trai trẻ ai cũng mang trong mình một niềm vui, khát khao thâm kín, với ước vọng vượt thoát những điều cấm kị, được thỏa sức tự do trong một trải nghiệm vô cùng đặc biệt. Thế là số phận bị thiêu của ông Đùng bà Đà cũng không khiến mọi người xót thương, mà với họ “sự sống quan trọng hơn, họ còn bận sống” [tr.731]. Họ đã hối hả đến với phần đời sau hội với một sự say mê vô thức về tục “trải ỏ”, để được ném trái ánh chớp của hạnh phúc chỉ lóe lên trong đêm hội [tr.725].

Bức tranh văn hóa muôn màu muôn vẻ ấy được tác giả soi rọi từ cội nguồn nguyên lí Mẹ trong tâm thức cộng đồng Việt. Trong sâu thẳm trái tim của người Việt, tất cả đều hướng về Mẹ, người Mẹ thiên nhiên, vũ trụ và cả người Mẹ, người Đàn bà sinh thành, nuôi nấng họ. *Mẫu Thượng Ngàn* rõ ràng đã phần nào chạm vào cội nguồn bản sắc dân tộc Việt qua văn hóa làng rất độc đáo. Trả lời phỏng vấn báo *Tuổi trẻ* ngày 23-7-2006, Nguyễn Xuân Khánh đã nói: “Người làm văn chương phải có tài, nhạy cảm, biết rung động, biết nói lên phần vô thức của dân tộc, chạm vào đúng sợi tơ đàn ẩn ngấm của từng số phận con người và dân tộc mình”. Quả thật, Nguyễn Xuân Khánh và tác phẩm của ông đã thực hiện sứ mệnh cao cả ấy của văn chương một cách trọn vẹn và đầy sáng tạo.

## **2.2. Tín ngưỡng thờ Mẫu và thân phận người phụ nữ trong xã hội Việt Nam**

Vấn đề truy tìm, giải mã cội nguồn bản sắc văn hóa Việt là một trong những điều suy tư, trăn trở của Nguyễn Xuân Khánh trong tiểu thuyết *Mẫu Thượng Ngàn*. Điều này đã được nhà văn Nguyễn Ngọc khẳng định (*Tọa đàm về tiểu thuyết lịch sử của*

Nguyễn Xuân Khánh): “Văn hóa Việt, bản sắc văn hóa Việt là vấn đề, là câu hỏi đã được nêu ra và được hàng trăm, nếu không nói hàng nghìn nhà nghiên cứu tìm cách lý giải từ rất lâu. Nguyễn Xuân Khánh là nhà tiểu thuyết, anh cũng có câu trả lời của mình không phải bằng lý lẽ uyên bác mà bằng một cuốn tiểu thuyết sinh động, *Mẫu Thượng ngàn*, còn dày dặn, bề thế, phong phú hơn cả cuốn *Hồ Quý Ly* từng gây xôn xao của anh mấy năm trước. Và có vẻ đây có thể là câu trả lời hấp dẫn, nếu không nói là thuyết phục hơn cả”.

Trong lịch sử văn học dân tộc, hình tượng người phụ nữ luôn được các nhà văn đặc biệt chú ý xây dựng một cách đặc sắc và giàu sức sống. Có thể viện nhiều lí do để giải thích cho vấn đề ấy, song phải nhìn nhận từ cội nguồn văn hóa Việt, bởi hiện tượng này được coi là điểm kết tinh của một nền văn hóa luôn luôn tôn trọng người phụ nữ<sup>10</sup>. Từ những thức nhận về nguyên lí Mẫu trong văn hóa Việt đến sự ra đời của *Mẫu Thượng Ngàn*, hơn ai hết Nguyễn Xuân Khánh đã chiêm nghiệm, phát huy truyền thống này một cách sâu sắc và sáng tạo. Không phải ngẫu nhiên mà trong cuốn tiểu thuyết này đông đúc nhất, và cũng đẹp nhất, hay nhất, đậm nhất, mê nhất vẫn là những nhân vật nữ. Hình ảnh người phụ nữ trong *Mẫu Thượng Ngàn* mang vẻ đẹp dân dã, ngây thơ, vô tư, tràn trề sinh lực, đầm đìa phồn thực. Tác giả đã vẽ nên những bức chân dung bằng ngôn ngữ thân thể của nhân vật<sup>11</sup>. Họ không những mang vẻ đẹp của sự thánh thiện, trinh khiết, hoàn mỹ mà còn là vẻ đẹp của sức sống, sự mơn mớn, của khát khao cháy bỏng đắm màu phồn sinh phồn thực. Nguyễn Xuân Khánh tô đậm vẻ đẹp ấy ở làn da và đôi vú, mang biểu tượng thiêng liêng cho thiên chức tái

tạo, sinh sôi, duy trì nòi giống. Vẻ đẹp tự nhiên đó có một sức cảm dỗ, gợi tình mạnh mẽ. Nó không chỉ mang lại cảm hứng xác thịt mà còn ẩn chứa một sức mạnh có thể cảm hóa, thức tỉnh con người. Đặt trong sự cảm nhận của những kẻ đi chinh phục (Julien, Philippe), Nguyễn Xuân Khánh đã làm nên một đôi thoại ngầm, vẻ đẹp Việt, sức sống Việt có thể đồng hóa hoặc ít ra là làm dịu đi cái sức mạnh của lí trí, khiến con người nhận ra giới hạn của mình và có những giây phút dù là hiếm hoi ngẫm nghĩ, trở về với lương tri [tr.383, tr.720]. Hơn thế nữa, hình tượng người phụ nữ trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh còn biểu tượng cho sự cứu rỗi, thanh tẩy tâm hồn. Hình ảnh bà tổ, cô Mùi, bà ba Váy, thím Pháo, Nhụ nâng niu đôi vú hiến dâng như biểu tượng sự cứu rỗi, tái sinh bằng tình thương yêu, ban tặng sức sống mãnh liệt cho những số phận đang trở nên lụi tàn về thể xác lẫn tâm hồn. Đó là cái bản năng mang tính Mẫu trong văn hóa Việt được kết tinh trong mỗi người vợ, người mẹ Việt Nam.

Từ việc thể hiện vẻ đẹp tự nhiên, ngồn ngộn sức sống bản năng của người phụ nữ, Nguyễn Xuân Khánh đã dần thêm một bước độc đáo trong việc thể hiện hình tượng người phụ nữ khi kết hợp ý thức tín ngưỡng và bản năng đàn bà. Ông đã nhìn nhận thân phận người phụ nữ dưới góc độ văn hóa tâm linh mà cụ thể là dưới ánh sáng của tín ngưỡng thờ Mẫu - một tín ngưỡng bản địa của người Việt.

Thân phận nổi trôi của người phụ nữ là một trong những vấn đề khiến Nguyễn Xuân Khánh day dứt, suy tư. Họ được ví như những cánh chim mong manh, chơi vơi trong cơn giông bão của cuộc đời. Với bà tổ cô, Mùi, bà ba Váy, Nhụ, Hoa, những

tưởng cuộc sống bình yên ở xứ Cổ Đình nhỏ bé sẽ đem lại cho họ sự bình yên, hạnh phúc giản dị, ngọt lành, nhưng mỗi mảnh đời ấy đều mang những số phận bất hạnh, bi kịch đáng thương. Long đong, lận đận, những người đàn bà thôn quê này chỉ biết cách tìm về với Mẫu để được xoa dịu bớt những nhọc nhằn, tủi nhục trong cuộc sống. Ngôi đền Mẫu linh thiêng “trở thành nơi dung chứa những khát vọng và nỗi niềm của mọi người dân quê nghèo khổ”, “an ủi bao tâm hồn cay cực của nông dân” [tr.421]. Ngay đến những nhà Nho nổi tiếng khắt khe như cụ Tú Cao hay cụ đồ Tiết cũng có một cái nhìn tôn trọng về phép nhiệm màu của Mẫu: “Mẫu sinh thành ra thế giới này” [tr.695], “chỉ có Mẫu mới an ủi được họ, mới giải tỏa được cho họ khỏi những cay cực, những ân ức của thế gian” [tr.696]. Lên đồng trong tâm thức của người dân Cổ Đình không phải là một tà giáo hay mê tín quàng xiên, mà ở đó, con người như tìm thấy sự thanh thoát, được gột rửa mọi tục lụy để trở nên thanh thản hơn, tốt đẹp hơn, tinh khiết hơn, mạnh mẽ hơn. Từ đó, họ “sẵn sàng đến để nhập cuộc, mê đắm, sẵn sàng rũ bỏ tục lụy thường nhật để dần thân vào những cõi siêu nghiệm xa lạ, ở đó ta trở về với ta, tức là trở về với mẹ, ở đó là sự bình yên, niềm an ủi, cái kì diệu thánh thiện” [tr.705]. Hình tượng bà tổ cô và cô Mùi từ cuộc đời, số phận và con đường tìm về với Mẫu, chứa đựng biểu tượng thanh tẩy, thu phục và cảm hóa dân chúng của Đạo Mẫu. Qua cuộc đời chìm nổi của bà tổ cô, trong đôi bàn tay Mẫu đã ban tặng cho Mùi, bao nhiêu số phận được cứu vớt, bao nhiêu cơ cực được hóa giải trong niềm tin thiêng liêng vào Mẫu [tr.701-tr.703]. Để cuối cùng, trong vòng tay rộng mở, bao dung, che chở của Mẫu, Nhụ và đứa con sinh ra

sau đêm hội kinh hoàng bị cưỡng hiếp (được ví như một sự cưỡng đoạt về văn hóa), lại được trở lại nguyên sơ, sống trong tình yêu thương, độ lượng mà không một chút nghi kỵ. Có lẽ không riêng gì Nhụ, mà tất cả những người đàn bà đáng thương nơi thôn quê, luôn tâm niệm rằng: “Đã là người ta, con ơi, ai chẳng là con của Mẫu”.

Cùng với trạng thái nhập đồng thần bí, Nguyễn Xuân Khánh cho thấy sự tìm tòi, vốn sống cũng như tri thức sâu rộng của mình trong việc miêu tả tiếng đàn, lời hát châu vãn, phác họa chân thực nét nghệ thuật tạo hình độc đáo qua kiến trúc đền Mẫu, tranh và tượng thờ, trang trí, bày biện lễ lạt cùng với trang phục, vừa mang cội nguồn lễ nghi vừa mang tính nghệ thuật truyền thống dân tộc. Có thể nói, qua tác phẩm của mình, nhà văn cho người đọc một hình dung tương đối rõ nét và toàn diện về văn hóa Đạo Mẫu, từ tâm thức, thực hành tín ngưỡng đến thân phận người phụ nữ trong xã hội người Việt.

### ***2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu - sức sống bất diệt trước sự xâm lăng của văn hóa ngoại lai***

Trở về với tín ngưỡng thờ Mẫu không chỉ thể hiện đời sống tâm linh của cộng đồng Cổ Đình, mà trong tiềm thức sâu xa, chính là sự phản kháng, “phản lực tự vệ của một dân tộc”<sup>12</sup> trước sự âm mưu đồng hóa văn hóa ngoại lai. Đặt điểm nhìn ở những con người đi chinh phục thuộc địa, Nguyễn Xuân Khánh trong *Mẫu Thượng Ngàn* đã làm một cuộc thức nhận, “tranh cãi” vô cùng quyết liệt về mạch nguồn sức sống của văn hóa Việt trong sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa phương Tây. Lúc này, mỗi điểm nhìn trần thuật gắn với một sự tự ý thức, khiến bản chất hiện thực và con người được đánh giá theo nhiều cách,

tạo khả năng đối thoại cao với những vấn đề của lịch sử.

Từ khát khao khám phá, làm giàu vốn tri thức ở xứ thuộc địa Đông Dương bí ẩn, quyến rũ, nhà dân tộc học René đã nhận thấy sức hấp dẫn không cưỡng lại được của *tín ngưỡng đa thần bản địa*: “Ở xứ sở này, chỗ nào, nhà nào cũng thờ thần Đất. Đất cũng có hồn, đó là hồn Đất. Nó là tổng hợp của những hồn người, hồn ma, hồn cây cỏ, ao hồ, cả hồn đá nữa. Chúng ta thường chê dân bản xứ là vô đạo, thực ra họ là những kẻ phiếm thần giáo. Họ tôn sùng sự bí ẩn, thiêng liêng của tất cả thiên nhiên” [tr.193]. Không những thế, sự nhạy cảm của nhà khoa học René và người nghệ sĩ Pierre đã mang đến cho họ những cảm nhận kì thú về sự giao hòa, đắm chất phồn sinh phồn thực của thiên nhiên xứ nhiệt đới gió mùa [tr.190 - tr.191]. Để rồi, khi tưởng chừng như đã chạm ngưỡng vào sự bí hiểm huyền diệu ấy để làm một sự giao hòa diệu kì thì họ lại cay đắng nhận ra, càng đến gần, họ như càng bị đẩy ra xa bởi những điều xa lạ. René gọi đó là *tố chất loại trừ*, như một sự chống trả mãnh liệt đầy bản năng của văn hóa bản địa trong mỗi ý nghĩ, mỗi bước chân của kẻ xâm lược: “Ở xứ nhiệt đới này, từ lá cây ngọn cỏ đến luồng không khí huyền ảo mà ta hít thở, từ con mắt đen nhánh ngơ ngác của con người đến thân hình mềm dẻo đầy nhục cảm của người đàn bà bản xứ, tất cả đối với người phương Tây đều xa lạ, đều như thù nghịch, đều như chẳng chịu hòa hợp, chúng đều mang những tố chất loại trừ” [tr.374]. Sự trả thù của đất Mẹ mà nhà dân tộc học đã cảnh báo lại ứng nghiệm vào ngay gia đình nhà Messmer. Tất cả đã giống hồi chuông cảnh báo sự suy tàn, đổ vỡ của ý chí những con người được coi là thế hệ chinh phục

đầu tiên xứ thuộc địa. Sự thất bại ấy lại được lí giải rất thú vị từ cội nguồn sâu xa là sức mạnh chinh phục nam tính của những con đực mạnh sẽ bị sự kháng cự mềm mại nữ tính của những con cái đánh bại [tr.347]. Một lần nữa, Nguyễn Xuân Khánh đã đề cao nguyên lí tính nữ, một dưỡng chất đặc biệt làm nên sức mạnh văn hóa Việt trong tác phẩm của mình.

*Hình thức lên đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu* của người dân Cổ Đình cũng được đặt dưới nhiều điểm nhìn khác nhau, của người trong cuộc lẫn người ngoài cuộc. Với những người trong cuộc, cộng đồng làng Cổ Đình, đặc biệt là những người phụ nữ, tìm về với Mẫu chính là tìm về chốn bình yên, sự che chở, đùm bọc trong tình yêu thương bao la của Mẹ. Còn với những kẻ chinh phục thuộc địa, điểm nhìn được phân tán theo hai chiều hướng. Thứ nhất Pierre, nghệ sĩ thực dân, với những trải nghiệm, từ chính số phận mình và của người anh cả Philippe, anh chợt thức tỉnh, ngẫm suy: “Đạo của họ thờ Mẹ Trời, Mẹ Đất, Mẹ Nước. Họ nói đó là đạo Người Mẹ. Có thể nói gọn, đó là đạo thờ khí thiêng của thiên nhiên, thờ người Mẹ đã sinh ra thế gian này. Thờ như vậy tức là thờ những điều cao quý” [tr.427]. Ở một góc nhìn khác, người anh cả Philippe thấy ở đó là “trò mê tín nguyên thủy.. bà đồng chẳng khác gì một ông thầy mo, hoặc một phù thủy” [tr.377]. Còn Julien, con người của hành động, luôn đề cao sức mạnh tuyệt đối, nhìn thấy ở tín ngưỡng thờ Mẫu, cụ thể là tục lên đồng toàn “những điều ngốc nghếch”, “nguyên thủy”, “nhảy múa điên rồ”, “một tà giáo” [tr.426]. Chính sự báng bổ, coi thường thần thánh khiến cho nhà thực dân này phải chịu sự trừng phạt thích đáng của Mẫu. Câu chuyện hư hư thực

thực về “ngựa ngà” rượt đuổi Julien, một mặt hạ bệ hình ảnh kiêu hãnh, ngạo mạn của những kẻ đi chinh phục, đồng thời một lần nữa khẳng định quyền uy, sự linh thiêng của Đạo Mẫu.

*Suy tư về đồng hóa và phản đồng hóa* cũng được Nguyễn Xuân Khánh đưa ra bàn luận, đối thoại nhiều chiều. Trong cuộc đối thoại ở chương X, người kể chuyện đã đặt vấn đề này dưới nhiều điểm nhìn khác nhau. Tâm niệm với sứ mệnh khai hóa văn minh cho dân bản xứ, nhà thực dân Julien đã đặt ra mục tiêu đồng hóa xứ sở này thành một nước Pháp thu nhỏ... Với ông Lệnh, bài học nhãn tiền của tổ tiên hàng ngàn đời với tư tưởng “Hán hóa” người Việt khiến ông tỉnh ngộ, cay đắng nhận ra thân phận “chú khách”, đến rồi lại đi của mình và dân tộc mình. Qua cái nhìn khách quan khoa học pha chút màu sắc siêu hình, thần bí, nhà dân tộc học René đã lờ mờ nhận ra bi kịch “bị đồng hóa ngược” trở lại của những kẻ đi xâm lược, điều này được ông lí giải bằng sự huyền nhiệm của thần linh và nguyên lí Mẹ trong văn hóa xứ sở: “Nếu có một người châu Âu nào sinh ra trên mảnh đất này, lập tức sẽ có một linh hồn bản xứ sẽ nhập vào cái sinh linh bé bỏng mới ra đời đó. Họ bảo trẻ con sinh ở thuộc địa, sẽ có màu da trắng, nhưng linh hồn là linh hồn An Nam... Đó là sự trả thù của đất mẹ. Đó là số phận những người đi xâm chiếm chúng ta. Chúng ta định đồng hóa người, nhưng chúng ta cũng không thoát khỏi bị đồng hóa trở lại” [tr.513]. Cuộc đối thoại, tranh cãi tuy chưa có hồi kết, song chúng ta cũng cảm nhận được ưu thế của những người coi trọng và bênh vực tín ngưỡng bản địa. Trong cuộc đụng độ Đông - Tây quyết liệt này, dường như chỉ có sức mạnh của người Đàn bà giàu sức sống, đảm đảm, dịu dàng, cam chịu, gánh

vác mới neo giữ được bản sắc trong văn hóa Việt. Bởi điều đơn giản mà vô cùng thiêng liêng là “Người đàn bà là Mẫu, là Mẹ. Người đàn bà là đất xứ sở. Người đàn bà là văn hiến” [tr.806].

### **Chú thích**

- \* Những chú thích được ghi số trang trong [...] được trích dẫn từ: Nguyễn Xuân Khánh, 2006. *Mẫu Thượng Ngàn*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
1. Trần Quốc Vượng, 2003. “Về nguyên lí tính Mẹ trong văn hóa Việt Nam”, in trong *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Hà Nội, tr.467.
  2. Đỗ Thị Hào và Mai Thị Ngọc Chúc, 1993. *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
  3. Vũ Ngọc Khánh, Mai Ngọc Chúc và Phạm Hồng Hà, 2002. *Nữ thần và Thánh Mẫu Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
  4. Ngô Đức Thịnh, 2009. *Đạo Mẫu Việt Nam* (Tập 1), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.24-25.
  5. Ngô Đức Thịnh, 2012. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, TP.Hồ Chí Minh, tr.95.
  6. Ngô Đức Thịnh, 2007. *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.225.
  7. Nguyễn Xuân Khánh trả lời phỏng vấn (Nguyễn Sĩ Đại thực hiện), báo *Nhân dân*, ngày 30/7/2006.
  8. Tạ Chí Đại Trường, 2006. “Các hệ thống thần linh bản địa Việt cổ”, in trong *Thần, Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.31-tr.71.
  9. Trần Thị An, “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết *Mẫu Thượng Ngàn*”, *Nghiên cứu Văn học*, số 6/2007, Hà Nội, tr.27-47.
  10. Xem thêm Dương Thị Huyền, “Nguyên lí tính Mẫu trong truyền thống văn học Việt Nam”, nguồn <http://vietvan.vn/>
  11. Xem thêm Trịnh Thị Lan, “Ngôn ngữ thân thể trong tiểu thuyết *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh”, nguồn <http://vanhoanghean.com.vn/>
  12. Xem thêm Trần Thị An (tài liệu số [09] đã dẫn), tr.27-47.

